

Số: 239/QĐ-VTH

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN TOÁN HỌC

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-VHL ngày 25/2/2013 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành quy chế, tổ chức và hoạt động của Viện Toán học;

Căn cứ Quyết định 545-TTg ngày 03/11/1978 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Toán học;

Căn cứ Quyết định số 4181/QĐ-BGDĐT ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Viện Toán học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam được tiếp tục tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Quản lý tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Toán học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Đào tạo sau đại học và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VTH. TTĐTSDH. T. 06.



QUY CHẾ

Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ của Viện Toán học
(Ban hành kèm theo Quyết định số 239 /QĐ-VTH ngày 16 tháng 11 năm 2021
của Viện trưởng Viện Toán học)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Việc tổ chức đào tạo tiến sĩ của Viện Toán học được thực hiện theo Quy chế “Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ” của Bộ giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Quy chế này quy định những điều khoản cụ thể được áp dụng riêng cho Viện Toán học.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo tiến sĩ toán học có trình độ cao về lý thuyết hoặc ứng dụng, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu độc lập, cũng như khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và áp dụng vào các ngành khoa học cơ bản, khoa học kỹ thuật, khoa học đời sống khác.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 3. Thời gian và phương thức tuyển sinh

- 1) Thời gian tuyển sinh: Viện Toán học tổ chức tuyển sinh nghiên cứu sinh 2 đợt mỗi năm: đợt 1 từ tháng 2 đến tháng 4 và đợt 2 từ tháng 8 đến tháng 10.
- 2) Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.
- 3) Hình thức tuyển sinh: trực tiếp và trực tuyến.

Điều 4. Điều kiện dự tuyển

- 1) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:
 - a) Người dự tuyển có tuổi không quá 45;
 - b) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên trong vai trò giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
 - c) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.
- 2) Người dự tuyển có một trong các văn bằng sau đây:

- a) Bằng thạc sĩ Toán học hệ chính quy;
 - b) Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy, xếp loại giỏi trở lên, của ngành Toán học, Khoa học tính toán, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Thống kê, Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học;
 - c) Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy, xếp loại giỏi trở lên, hoặc bằng thạc sĩ, của một trong các ngành Khoa học tự nhiên, Công nghệ và Kỹ thuật, đồng thời đã hoàn thành ít nhất 15 tín chỉ về Toán ở bậc đại học.
- 3) Yêu cầu ngoại ngữ đối với người dự tuyển:
- a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam, công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình tiến sĩ bằng tiếng nước ngoài phải có đủ trình độ để đọc, viết, giao tiếp, thuyết trình về Toán bằng tiếng Anh và đáp ứng các điều kiện về ngoại ngữ quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư 18/2021/ TT-BGDĐT ngày 28/6/2021;
 - b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Viện Toán học quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 5. Thông báo tuyển sinh và hồ sơ tuyển sinh

- 1) Viện Toán học ra thông báo tuyển sinh ít nhất 30 ngày trước mỗi đợt tuyển sinh, trong đó bao gồm những thông tin về đối tượng, điều kiện dự tuyển, ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp, chỉ tiêu tuyển sinh, hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học, học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Thông báo tuyển sinh được:
 - a) Niêm yết tại Viện Toán học;
 - b) Đăng trên trang thông tin điện tử của Viện: <http://www.math.ac.vn>;
 - c) Gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - d) Gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan;
 - e) Đăng trên một số phương tiện thông tin đại chúng.
- 2) Hồ sơ dự tuyển được gửi đến Viện trước hạn xét tuyển 15 ngày. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:
 - a) Phiếu đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh;
 - b) Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương);
 - c) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan chủ quản (nếu có);

- d) Bản sao có chứng thực, nếu bản gốc là một trong các thứ tiếng Việt, Anh, Nga, Pháp, Đức, hoặc bản dịch ra tiếng Anh, có chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ có liên quan;
- e) Lý lịch khoa học;
- f) Đề cương nghiên cứu (bài luận về dự định nghiên cứu) và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa;
- g) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có);
- h) Thư giới thiệu của 02 nhà toán học có học vị từ tiến sĩ trở lên, đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển, trong đó có ít nhất 01 người am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Khuyến khích người dự tuyển có thư giới thiệu của các nhà toán học quốc tế.

Điều 6. Hội đồng tuyển sinh

- 1) Viện trưởng Viện Toán học ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh gồm:
 - a) Chủ tịch là Viện trưởng hoặc Phó viện trưởng phụ trách đào tạo;
 - b) Ủy viên thường trực là Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo sau đại học hoặc một ủy viên Hội đồng Khoa học;
 - c) Các ủy viên là các Trưởng hoặc Phó các phòng chuyên môn có thí sinh đăng kí dự tuyển.
- 2) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm trước Viện trưởng toàn bộ các công việc liên quan đến tuyển sinh.

Điều 7. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

- 1) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm:
 - a) Trưởng ban: do ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
 - b) Các ủy viên: gồm Trưởng hoặc Phó phòng Quản lý Tổng hợp, chuyên viên Trung tâm Đào tạo sau đại học.
- 2) Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm triển khai các công việc do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

Điều 8. Quy trình xét tuyển

- 1) Ban Thư ký tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, thông báo cho người dự tuyển hồ sơ có đáp ứng các điều kiện dự tuyển hay không.
- 2) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thành lập Tiểu ban chuyên môn gồm Trưởng tiểu ban và các ủy viên. Tiểu ban chuyên môn có ít nhất 05 người có bằng tiến sĩ trở lên, trong đó có Trưởng hoặc Phó của phòng chuyên môn phù hợp với hướng dự định nghiên cứu của người dự tuyển.
- 3) Nhiệm vụ của Tiểu ban chuyên môn:

- a) Đánh giá năng lực chuyên môn và ngoại ngữ của người dự tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển và qua bài thuyết trình về đề cương nghiên cứu (một phần của bài thuyết trình được trình bày bằng tiếng Anh);
 - b) Khi xét thấy cần thiết, Tiểu ban chuyên môn có thể tổ chức bài thi chuyên môn bổ sung theo yêu cầu của người dự kiến hướng dẫn;
 - c) Tiểu ban chuyên môn đánh giá năng lực các người dự tuyển bằng hình thức chấm điểm. Mỗi thành viên chấm điểm trên thang điểm 10 thông qua từng phiếu điểm riêng.
- 4) Người dự tuyển được coi là đủ điểm sàn xét tuyển nếu đạt điểm trung bình từ 5,0 trở lên. Hội đồng tuyển sinh lập danh sách những người trúng tuyển gồm những người đủ điểm sàn xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành. Trong trường hợp có chuyên ngành không tuyển đủ chỉ tiêu, các chỉ tiêu thừa ra có thể được Hội đồng tuyển sinh chuyển sang chuyên ngành khác có người dự tuyển đủ điểm sàn xét tuyển.
 - 5) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định danh sách trúng tuyển và trình Viện trưởng phê duyệt.

Điều 9. Triệu tập người trúng tuyển

- 1) Giấy triệu tập được gửi đến những người trúng tuyển trong thời gian 30 ngày kể từ ngày xét tuyển.
- 2) Người trúng tuyển đăng ký nhập học trong thời gian được quy định trong giấy triệu tập. Những người trúng tuyển không thể nhập học đúng thời gian quy định vì các lý do đặc biệt phải có đơn xin nhập học muộn, có sự đồng ý của người dự định hướng dẫn và cơ quan chủ quản (nếu có). Thời hạn tối đa cho việc đăng ký nhập học muộn là 06 tháng kể từ ngày có giấy triệu tập.
- 3) Sau khi người trúng tuyển đăng ký nhập học chính thức, Viện trưởng ra Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có đầy đủ thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 10. Thời gian đào tạo

- 1) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ là 04 năm (48 tháng).
- 2) Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho cơ sở đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo.

Điều 11. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Chương trình đào tạo tiến sĩ bao gồm:

- Các học phần bổ sung (Tối đa 30 tín chỉ);
- Các học phần ở trình độ tiến sĩ (14 tín chỉ);
- Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ (Tối thiểu 76 tín chỉ).

Điều 12. Các học phần bổ sung

- 1) Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành Toán và Thống kê với chuyên ngành khác chuyên ngành của luận án cần học bổ sung từ 2 đến 4 học phần trình độ thạc sĩ, có nội dung phù hợp với chuyên ngành của luận án, với tổng khối lượng kiến thức tương đương với từ 8 đến 16 tín chỉ của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ về Toán tại Viện. Số lượng các học phần này do Giám đốc Trung tâm Đào tạo sau đại học quyết định.
- 2) Nghiên cứu sinh không có bằng thạc sĩ ngành Toán và Thống kê cần học bổ sung ít nhất 8 học phần về Toán của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ về Toán tại Viện, với tổng khối lượng kiến thức ít nhất 30 tín chỉ.
- 3) Các học phần bổ sung phải được hoàn thành trong giai đoạn 24 tháng đầu tiên kể từ ngày đăng ký nhập học và học theo các lớp chuyên đề của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ về Toán tại Viện.

Điều 13. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

- 1) Trong giai đoạn 24 tháng kể từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh hoàn thành 6 học phần ở trình độ tiến sĩ với tổng khối lượng kiến thức ít nhất 14 tín chỉ, bao gồm:
 - a) 01 tiểu luận tổng quan (4 tín chỉ), trong đó nghiên cứu sinh trình bày các phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;
 - b) 05 chuyên đề tiến sĩ, mỗi chuyên đề 2 tín chỉ, gồm:
 - i) 02 chuyên đề bắt buộc;
 - ii) 02 chuyên đề tự chọn;
 - iii) 01 chuyên đề tự chọn khác được đề xuất bởi tập thể hướng dẫn.

Danh sách các chuyên đề của mục i), ii) do Viện trưởng quyết định và công bố đầu năm học và được Trung tâm Đào tạo sau đại học lên kế hoạch giảng dạy hằng năm. Chuyên đề của mục iii) nhằm bổ sung các kiến thức cần thiết phục vụ cho việc giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài nghiên cứu; việc học tập chuyên đề này chủ yếu dựa vào sự tự tìm hiểu của nghiên cứu sinh với sự hỗ trợ của tập thể hướng dẫn.

- 2) Các học phần trình độ tiến sĩ được đánh giá bởi Hội đồng đánh giá, thực hiện theo thang điểm 10. Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan gồm Chủ tịch, Thư ký và 01 ủy viên. Hội đồng đánh giá các chuyên đề tiến sĩ gồm Chủ tịch và 01 ủy viên.

- 3) Nghiên cứu sinh được phép đăng ký học lại không quá 2 lần cho mỗi học phần trình độ tiến sĩ. Điểm đánh giá cuối cùng của mỗi chuyên đề là điểm cao nhất mà nghiên cứu sinh nhận được qua các lần đánh giá. Nghiên cứu sinh được coi là hoàn thành các học phần trình độ tiến sĩ nếu có điểm đánh giá cuối cùng của mỗi chuyên đề không dưới 5.
- 4) Với các nghiên cứu sinh không hoàn thành các học phần ở trình độ tiến sĩ trong thời gian quy định, Viện trưởng ra quyết định chấm dứt đào tạo và trả về cơ quan hoặc địa phương (nếu có).

Điều 14. Luận án tiến sĩ

- 1) Đề tài luận án tiến sĩ do tập thể hướng dẫn chọn.
- 2) Nội dung luận án phải được đăng hoặc nhận đăng trong ít nhất 02 bài báo trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị thuộc danh mục Web of Science, Scopus, hoặc 01 bài báo đứng tên một mình trên các tạp chí ISI-uy tín (bao gồm danh sách hiện hành các tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của Hội đồng Giáo sư nhà nước ngành toán và tạp chí ISI uy tín của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia).

Điều 15. Những thay đổi trong quá trình đào tạo, hoàn thành, rút ngắn và gia hạn thời gian đào tạo

- 1) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đề tài nghiên cứu, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyển cơ sở đào tạo, nếu có, phải được thực hiện dưới sự đề xuất của tập thể hướng dẫn. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ Quy định tại Điều 10 và Điều 13 của Quy chế này.
- 2) Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án được thông qua ở Hội đồng đánh giá cấp Viện trong thời gian quy định.
- 3) Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 1 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin gia hạn, có ý kiến đồng ý của tập thể hướng dẫn và của đơn vị cử đi học. Việc gia hạn chỉ được giải quyết khi nghiên cứu sinh đáp ứng được các yêu cầu sau:
 - a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung và học phần ở trình độ tiến sĩ của Chương trình đào tạo tiến sĩ quy định tại các Điều 12, 13 của Quy chế này;
 - b) Cam kết hoàn thành nghĩa vụ học tập, nghiên cứu trong thời gian gia hạn.
- 4) Nghiên cứu sinh được phép gia hạn thời gian đào tạo không quá 2 lần với tổng thời gian đào tạo là không quá 72 tháng. Trong thời gian gia hạn, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại Viện. Hồ sơ xin gia hạn gồm:
 - Đơn xin gia hạn (Phụ lục 1);
 - Nhận xét và đề nghị của tập thể hướng dẫn;
 - Bản sao các bài báo đã được nhận đăng, đang gửi đăng (nếu có) và các kết quả nghiên cứu dưới dạng bản thảo.

- 5) Sau khi hết thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua thì Viện trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học.
- 6) Nghiên cứu sinh được phép đăng ký đánh giá luận án sớm, nhưng không sớm hơn 12 tháng kể từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh nếu hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại Điều 11 và đáp ứng các điều kiện về công bố như quy định tại khoản 2, Điều 14 của Quy chế này.

Điều 16. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

- 1) Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy được trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu trong thời gian không quá 24 tháng, và được xem xét công nhận, chuyển đổi trong các trường hợp sau:
 - a) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc chuyển cơ sở đào tạo;
 - b) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của Viện Toán học.
- 2) Khi có đề nghị của nghiên cứu sinh, Viện trưởng thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá, xem xét việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh. Hội đồng chuyên môn có tối thiểu 03 thành viên bao gồm:
 - Chủ tịch là Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng phụ trách đào tạo;
 - Ủy viên là đại diện Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo sau đại học và các Trường hoặc Phó phòng chuyên môn của nghiên cứu sinh.
- 3) Căn cứ vào đề xuất của hội đồng chuyên môn, Viện trưởng ra quyết định công nhận, chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN LIÊN QUAN

Điều 17. Tiêu chuẩn về giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ và về người hướng dẫn nghiên cứu sinh

- 1) Tiêu chuẩn về giảng viên:
 - a) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;
 - b) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau đây:
 - Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;
 - Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước qui định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do

các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

2) Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

- a) Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quỹ định tại Khoản 1, Điều 17 của Quy chế này;
- b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:
 - Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc
 - Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;
- c) Tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có nhiều nhất 02 người, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Viện với thời gian của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh. Khuyến khích tập thể hướng dẫn có sự tham gia của các nhà toán học nước ngoài hoặc nhà toán học Việt Nam đang công tác tại nước ngoài.

3) Tiêu chuẩn về số lượng nghiên cứu sinh của người hướng dẫn:

- a) Tại cùng một thời điểm, Giáo sư hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; Phó giáo sư hoặc Tiến sĩ khoa học hướng dẫn độc lập tối đa 04 nghiên cứu sinh; Tiến sĩ hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh (tính ở tất cả các cơ sở đào tạo). Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh;
- b) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 6 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá cấp Trường, Viện thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án (nếu có).

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn

- 1) Tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh lên kế hoạch làm việc hằng năm cho nghiên cứu sinh, hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá và đôn đốc việc học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.
- 2) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
- 3) Tập thể hướng dẫn duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh đăng ký đánh giá luận án nếu luận án đã đáp ứng được các yêu cầu quy định.
- 4) Khi làm hướng dẫn nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo khác, cán bộ Viện có trách nhiệm trình Trung tâm Đào tạo sau đại học bản sao quyết định hướng dẫn. Trong trường hợp vi phạm, Viện có quyền từ chối chứng nhận chữ ký và các giấy tờ có liên quan.
- 5) Trong vòng 02 năm (24 tháng) kể từ ngày có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, người hướng dẫn có quyền rút khỏi tập thể hướng dẫn nếu có lý do chính đáng. Trong trường hợp này, người hướng dẫn phải có văn bản gửi lãnh đạo Viện giải trình các lý do của việc rút khỏi tập thể hướng dẫn.
- 6) Trong vòng 02 năm (24 tháng) kể từ ngày có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, người hướng dẫn có quyền bổ sung 01 người đồng hướng dẫn nếu xét thấy cần thiết. Trong trường hợp này, người hướng dẫn phải có văn bản gửi lãnh đạo Viện.
- 7) Người hướng dẫn nghiên cứu sinh hưởng thù lao hướng dẫn nghiên cứu sinh cho đến thời điểm sớm nhất của 1 trong 2 thời điểm sau: nghiên cứu sinh bảo vệ cấp Viện thành công và nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn).
- 8) Người hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền của trưởng phòng chuyên môn

- 1) Trưởng phòng chuyên môn có trách nhiệm hỗ trợ Viện trưởng trong các công tác tuyển sinh và quản lý nghiên cứu sinh có chuyên ngành đào tạo thuộc Phòng.
- 2) Trưởng phòng chuyên môn triển khai đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn cho nghiên cứu sinh có chuyên ngành thuộc Phòng; thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.
- 3) Trưởng phòng chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền của nghiên cứu sinh

- 1) Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

- 2) Tham gia sinh hoạt khoa học tại Viện như một nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.
- 3) Tuân thủ quy định của Viện về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức (nếu có).
- 4) Vào tháng 11 hằng năm, nghiên cứu sinh nộp báo cáo cho Trung tâm Đào tạo sau đại học về kết quả học tập, nghiên cứu của mình trong năm qua, kế hoạch học tập của năm tiếp theo, trong đó nêu rõ thời gian tập trung làm việc tại Viện, có xác nhận của tập thể hướng dẫn. Trên cơ sở đó, Viện gửi giấy triệu tập làm việc năm tiếp theo tới nghiên cứu sinh và cơ quan chủ quản.
- 5) Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với người phản biện độc lập, không được liên hệ gặp gỡ với các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình tổ chức bảo vệ luận án (như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng, lấy các bản nhận xét của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học).
- 6) Nghiên cứu sinh đóng học phí 2 đợt mỗi năm, vào tháng 6 và tháng 12. Số học phí phải nộp mỗi đợt bằng 1/2 số học phí một năm. Nghiên cứu sinh không thực hiện nghiêm túc các quy định về tài chính của Viện bị kỷ luật từ tạm đình chỉ học tập đến thôi học.
- 7) Nghiên cứu sinh được bố trí chỗ làm việc và sử dụng các cơ sở vật chất của Viện theo quy định.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 21. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

- 1) Luận án tiến sĩ đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 14 của Quy chế này.
- 2) Luận án tiến sĩ gồm các mục: trang bìa, trang phụ bìa, tóm tắt bằng tiếng Việt, tiếng Anh về luận án (không quá 1 trang), lời cam đoan, lời cảm ơn (nếu có), mục lục, phần mở đầu, các chương, danh mục công trình của tác giả có liên quan đến luận án, tài liệu tham khảo, khuyến khích có phần chỉ mục (index). Luận án tiến sĩ được trình bày theo mẫu ở Phụ lục 3. Khuyến khích viết luận án bằng tiếng Anh.
- 3) Luận án tiến sĩ tuân thủ pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:
 - a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);
 - b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu, đồng thời chỉ rõ phần đóng góp của nghiên cứu sinh;
 - c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- 4) Tóm tắt luận án dài không quá 32 trang bao gồm tóm tắt về luận án đã nói trong khoản 2 của Điều này, mở đầu, nội dung cô đọng của các chương, các công trình liên quan đến luận án, tài liệu tham khảo, danh mục xê-mi-na, hội nghị, hội thảo mà nghiên cứu sinh trình bày kết quả.

Điều 22. Đánh giá luận án ở phòng chuyên môn

- 1) Việc đánh giá luận án ở phòng chuyên môn được tổ chức dưới dạng xê-mi-na khoa học công khai và được tiến hành một hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.
- 2) Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án phòng chuyên môn:
 - a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các Điều 12, 13 của Quy chế này;
 - b) Đã có bản thảo luận án và nội dung của luận án đáp ứng các yêu cầu về công bố quy định tại Điều 14 của Quy chế này;
 - c) Được tập thể hướng dẫn đồng ý cho nghiên cứu sinh đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn;
 - d) Trong thời gian quy định: không sớm hơn 12 tháng và không muộn hơn 72 tháng kể từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh.
- 3) Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án ở phòng chuyên môn được nộp cho Trung tâm Đào tạo sau đại học, gồm:
 - a) Đơn đăng ký đánh giá luận án ở phòng chuyên môn, có xác nhận của tập thể hướng dẫn (Phụ lục 2)
 - b) Toàn văn luận án, bản sao chụp các công trình của nghiên cứu sinh mà được sử dụng trong luận án.

Điều 23. Thực hiện đánh giá luận án ở phòng chuyên môn

- 1) Trung tâm Đào tạo sau đại học hỗ trợ Trưởng phòng chuyên môn tổ chức đánh giá luận án ở phòng chuyên môn.
- 2) Trưởng phòng chuyên môn xác định danh sách tối thiểu 05 nhà toán học có bằng tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với đề tài của luận án tham gia đánh giá luận án, trong đó có ít nhất 01 nhà toán học không là cán bộ cơ hữu của Viện và có đại diện của tập thể hướng dẫn. Trưởng phòng chuyên môn chỉ định Chủ trì và Thư ký của buổi đánh giá luận án.
- 3) Không tổ chức đánh giá luận án ở phòng chuyên môn nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Vắng mặt từ hai nhà khoa học được mời đánh giá luận án trở lên;
 - b) Vắng mặt Chủ tịch hoặc Thư ký.
- 4) Đánh giá luận án ở phòng chuyên môn:
 - a) Phiên họp đánh giá luận án được ghi biên bản, có chữ ký của tất cả các nhà toán học tham gia đánh giá luận án;

- b) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu công khai. Các thành viên được mời đánh giá luận án bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Luận án được coi là đạt yêu cầu nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn.
- 5) Luận án được phép tổ chức đánh giá lại ở phòng chuyên môn nếu không được đánh giá đạt yêu cầu tại lần đánh giá trước. Trong trường hợp này, các điều kiện và quy trình đánh giá lại được áp dụng như quy định tại Điều 22 và các khoản 1-4 của Điều này, đồng thời phải bảo đảm các yêu cầu sau:
- a) Không sớm hơn 3 tháng sau lần đánh giá lần trước;
 - b) Có tối thiểu 03 nhà khoa học được mời tham gia đánh giá luận án đã tham gia đánh giá luận án ở lần đánh giá trước, trong đó phải có mặt những thành viên đã đánh giá luận án không đạt yêu cầu;
 - c) Nghiên cứu sinh phải chịu toàn bộ kinh phí liên quan.
- 6) Sau khi luận án được đánh giá đạt yêu cầu ở phòng chuyên môn, nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án theo các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học tham gia đánh giá luận án ở phòng chuyên môn (nếu có). Nghiên cứu sinh nộp cho Trung tâm Đào tạo sau đại học 01 bản sao của luận án đã hoàn thiện (nếu có) cùng với bản giải trình các điểm bổ sung, sửa chữa, có ý kiến đồng ý và chữ ký xác nhận của tập thể hướng dẫn và Trưởng phòng chuyên môn.
- 7) Sau khi luận án được phòng chuyên môn thông qua, nghiên cứu sinh hoàn thành việc chỉnh sửa luận án theo góp ý của Hội đồng đánh giá tại phòng chuyên môn tối đa không quá 01 tháng.

Điều 24. Lấy ý kiến của phản biện độc lập

- 1) Sau khi luận án được đánh giá đạt yêu cầu ở phòng chuyên môn và sau khi nghiên cứu sinh đã nộp luận án đã chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của nhà toán học tham gia đánh giá luận án ở phòng chuyên môn (nếu có), Viện trưởng lấy ý kiến của phản biện độc lập.
- 2) Phản biện độc lập là các nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của cơ sở đào tạo, có cùng chuyên môn với đề tài của luận án, có ít nhất 05 bài báo đã được đăng trong các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị thuộc danh mục Web of Science, Scopus. Khuyến khích lấy phản biện độc lập là các nhà toán học nước ngoài. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện. Các tài liệu có ghi tên người phản biện độc lập được Viện trưởng (hoặc Phó Viện trưởng được uỷ quyền) giao cho Trung tâm Đào tạo sau đại học quản lý trong một phong bì đã được niêm phong. Người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá cấp Viện. Phản biện độc lập chỉ gửi nhận xét hoặc thảo luận với người ký giấy mời đọc nhận xét.
- 3) Người phản biện độc lập có ít nhất 03 tuần và không quá 08 tuần để phản biện luận án. Trường hợp người phản biện độc lập không gửi nhận xét sau 08 tuần, Viện có thể thay thế bằng phản biện độc lập khác.

- 4) Khi cả hai phản biện độc lập tán thành, và sau khi nhận được hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án cấp Viện, Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Viện trưởng (hoặc Phó viện trưởng được ủy quyền) gửi luận án lấy ý kiến phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành thì luận án được đưa ra bảo vệ cấp Viện.
- 5) Luận án bị trả về để đánh giá lại ở phòng chuyên môn nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên đều không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải chỉnh sửa và tổ chức đánh giá lại ở phòng chuyên môn. Quy trình đánh giá luận án ở phòng chuyên môn lại được thực hiện như quy định tại các Điều 22, 23 của Quy chế này.
- 6) Nghiên cứu sinh chỉ được phép đăng ký đánh giá luận án ở phòng chuyên môn sớm nhất sau 3 tháng kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu. Nếu lần này luận án vẫn không được chấp nhận thì Viện trưởng ra quyết định chấm dứt quá trình đào tạo tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

Điều 25. Điều kiện và Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án cấp Viện

- 1) Điều kiện được đăng ký bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện:
 - a) Luận án được đánh giá đạt yêu cầu ở phòng chuyên môn;
 - b) Luận án được 2 phản biện độc lập tán thành.
- 2) Sau khi nhận được các ý kiến tán thành của các phản biện, Trung tâm Đào tạo sau đại học kết hợp với nghiên cứu sinh lập hồ sơ gửi Viện trưởng để đăng ký đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Hồ sơ đăng ký gồm:
 - a) Toàn văn luận án (08 bộ);
 - b) Tóm tắt luận án (08 bộ);
 - c) Bản sao chụp các bài báo, công trình của nghiên cứu sinh được sử dụng để bảo vệ luận án (08 bộ);
 - d) Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;
 - e) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
 - f) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án ở phòng chuyên môn;
 - g) Bản sao bảng điểm của các học phần bổ sung (nếu có), các học phần ở trình độ tiến sĩ;
 - h) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và các quyết định thay đổi (nếu có);
 - i) Bản nhận xét của 2 phản biện độc lập (07 bộ).

Điều 26. Đánh giá luận án cấp Viện

- 1) Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cấp Viện.

- 2) Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có 06 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên khác là các nhà toán học có bằng tiến sĩ trở lên, am hiểu đề tài luận án và đảm bảo các yêu cầu sau:
- a) Tổng số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người;
 - b) Tổng số thành viên ngoài Viện tối thiểu là 02 người;
 - c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính qui định tại Khoản 2, Điều 17 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng qui định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ qui định tại Khoản 1, Điều 17 của Quy chế này;
 - d) Chủ tịch là người có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với luận án và là nghiên cứu viên cơ hữu của Viện;
 - e) Các phản biện là người ở các phòng chuyên môn, hoặc các đơn vị khác nhau, trong đó có ít nhất 01 phản biện là cán bộ Viện và 01 phản biện là người ngoài Viện, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố liên quan đến đề tài luận án, không cùng đề tài nghiên cứu cấp Viện hoặc cấp nhà nước với nghiên cứu sinh trong thời gian luận án được thực hiện;
 - f) Đại diện tập thể hướng dẫn có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;
 - g) Người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.
- 3) Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm sắp xếp thời gian tổ chức, điều hành buổi đánh giá luận án cấp Viện; và sau buổi đánh giá, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo hoàn thành các thủ tục liên quan để nộp cho Trung tâm Đào tạo sau đại học.
- 4) Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ liên quan đến buổi đánh giá cấp Viện, ghi biên bản chi tiết của buổi bảo vệ và hoàn thành các thủ tục liên quan đến buổi đánh giá cấp Viện để nộp Trung tâm Đào tạo sau đại học.
- 5) Các phản biện có bản nhận xét luận án tại buổi đánh giá luận án.

Điều 27. Yêu cầu, điều kiện tổ chức đánh giá luận án cấp Viện

- 1) Trung tâm Đào tạo sau đại học bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.
- 2) Chủ tịch Hội đồng ấn định thời gian và địa điểm buổi đánh giá luận án.
- 3) Trung tâm Đào tạo sau đại học phối hợp với Văn phòng Viện toán đưa lên trang thông tin điện tử của Viện, chậm nhất 20 ngày trước ngày đánh giá luận án, các thông tin về luận án: thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án cấp Viện, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- 4) Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:
 - a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;

- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
 - c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
 - d) Thành viên Hội đồng có mặt dưới 05 người hoặc vắng mặt quá 01 người;
 - e) Không đáp ứng được các quy định ở các khoản 1, 2, 3 của Điều này.
- 5) Trường hợp cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại cơ sở đào tạo. Trình tự bảo vệ trực tuyến phải đảm bảo tuân thủ theo Hướng dẫn số 108/VTH ngày 17/6/2021 về việc đánh giá luận án theo hình thức trực tuyến của Viện trưởng Viện Toán học.
- 6) Viện trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ trong tình huống đặc biệt. Các thời hạn quy định, liên quan đến việc tổ chức đánh giá luận án cấp Viện, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung này.
- 7) Trong thời gian tối đa là 03 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Viện. Viện trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu.

Điều 28. Tổ chức đánh giá luận án cấp Viện

- 1) Luận án được tổ chức đánh giá công khai. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi của các thành viên trong Hội đồng và phần trả lời của nghiên cứu sinh. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.
- 2) Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn.
- 3) Hội đồng có quyết nghị trong đó nêu rõ:
 - a) Kết quả đánh giá luận án của Hội đồng;
 - b) Những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn;
 - c) Những thiếu sót về mặt nội dung, hình thức của luận án;
 - d) Tính trung thực của kết quả luận án;
 - e) Những điểm bổ sung, sửa chữa (nếu có) của luận án trước khi nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

- f) Kết luận của Hội đồng về việc thông qua hay không thông qua luận án. Trong trường hợp không thông qua luận án, Hội đồng nêu các lý do;
 - g) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;
 - h) Kiến nghị khen thưởng (nếu có). Kiến nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.
- 4) Trình tự của buổi đánh giá luận án cấp Viện theo Phụ lục 4.
- 5) Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch, Thư ký Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận vào văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu lại tại Trung tâm Đào tạo sau đại học và nộp luận án vào Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 29. Đánh giá lại luận án cấp Viện

- 1) Trong trường hợp luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở lần đánh giá thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai.
- 2) Không quá 6 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ nhất, Viện trưởng thành lập hội đồng đánh giá bảo vệ luận án lần hai. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.
- 3) Trong trường hợp luận án không được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai, Viện trưởng ra quyết định chấm dứt quá trình đào tạo tiến sĩ của nghiên cứu sinh, và trả về cơ quan chủ quản (nếu có).
- 4) Nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về các kinh phí liên quan đến việc đánh giá lại luận án.
- 5) Trình tự buổi đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai theo Phụ lục 4.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 30. Thực hiện nhiệm vụ báo cáo định kỳ với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- 1) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Trung tâm Đào tạo sau đại học gửi báo cáo tới Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá luận án của nghiên cứu sinh của Viện.
- 2) Sau mỗi đợt tuyển sinh, Trung tâm Đào tạo sau đại học gửi báo cáo tới Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển.

- 3) Vào tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo tới Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh của từng ngành của năm tiếp theo.

Điều 31. Xử lý kết quả thẩm định

- 1) Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định và không có yêu cầu bổ sung chỉnh sửa của Hội đồng thẩm định, Viện trưởng thực hiện cấp bằng cho nghiên cứu sinh theo quy trình và thủ tục quy định tại Điều 32 của Quy chế này.
- 2) Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến yêu cầu sửa chữa của Hội đồng thẩm định thì Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định những điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung chỉnh sửa, Chủ tịch Hội đồng cấp Viện kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Viện trưởng để thực hiện cấp bằng cho nghiên cứu sinh theo quy trình và thủ tục quy định tại Điều 32 của Quy chế này.
- 3) Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định, tùy theo mức độ đánh giá của Hội đồng thẩm định, Viện trưởng ra quyết định xử lý đối với luận án của nghiên cứu sinh theo một trong các hình thức:
 - a) Yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa luận án mà không cần bảo vệ lại;
 - b) Yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại.
- 4) Thời gian cho phép nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, chỉnh sửa luận án nhiều nhất là 12 tháng kể từ ngày Hội đồng bảo vệ luận án cấp Viện họp và ra quyết định, hoặc không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định yêu cầu thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc bảo vệ luận án tuân theo Điều 29 của Quy chế này.

Điều 31. Cấp bằng tiến sĩ

- 1) Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:
 - a) Luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua đủ 90 ngày;
 - b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và được tập thể hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng, Viện trưởng xác nhận;
 - c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định nhưng đã hết thời gian thẩm định theo quy định.
- 2) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ gồm:
 - a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Viện;
 - b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;
 - c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá;

- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng
- e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án tại Thư viện Quốc gia Việt Nam và tại Thư viện Viện Toán học;
- f) Bản sao chụp trang thông tin điện tử của Viện Toán học công bố thời gian và địa điểm buổi tổ chức đánh giá luận án cấp Viện; công bố toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng.

Hồ sơ này phải được lưu trữ ít nhất 20 năm tại Viện.

- 3) Viện trưởng có trách nhiệm tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học của Viện để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.
- 4) Cấp bằng tiến sĩ:
 - a) Mỗi nghiên cứu sinh được cấp 01 bằng tiến sĩ;
 - b) Khi nhận bằng, nghiên cứu sinh phải ký vào sổ lưu của Viện. Không chấp nhận việc uỷ quyền nhận bằng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Không cấp lại bằng tiến sĩ.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức và đánh giá luận án, trong thời gian 02 tháng kể từ ngày đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 33. Xử lý vi phạm

- 1) Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự.
- 2) Nghiên cứu sinh vi phạm khoản 5 Điều 20 của Quy chế này bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến huỷ bỏ kết quả học tập, huỷ bỏ quyền được bảo vệ luận án.
- 3) Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi lấy ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Điều khoản thi hành

- 1) Quy chế này được ban hành để thay thế Quy chế “Đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành ngày 05/3/2018. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 2) Quy chế này chỉ được sửa đổi khi có kiến nghị của Hội đồng Khoa học của Viện Toán học, hoặc khi có những thay đổi trong quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hà Nội, ngày...16... tháng ...11....năm 2021



Phùng Hồ Hải